



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan  
(trước đây là “ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng  
Ma San”) và các công ty con**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn  
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”)**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 6 tháng 8 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Seokhee Won	Thành viên
Ông Lu Ming	Thành viên
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2015)
Ông Stephen W. Golsby	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2015)

**Ban Giám đốc**

Ông Seokhee Won	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Toại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 25 tháng 2 năm 2015)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon  
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé  
Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) (“Công ty”) trình bày bản công bố này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) đính kèm cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (gọi chung là “các báo cáo tài chính giữa niên độ”).

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, tình hình tài chính riêng của Công ty và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty và các công ty con đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty và Tập đoàn tại thời điểm và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”)**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và các báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến trang 96. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính riêng của Công ty và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 15-01-258



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chyn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**

**Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Phân loại lại	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Phân loại lại
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>9.923.680.986</b>	<b>9.180.555.940</b>	<b>5.715.664.857</b>	<b>6.376.293.640</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>5.979.271.696</b>	<b>3.595.756.093</b>	<b>4.862.947.797</b>	<b>1.647.716.542</b>
Tiền	111		179.668.969	195.720.951	33.447.797	13.216.542
Các khoản tương đương tiền	112		5.799.602.727	3.400.035.142	4.829.500.000	1.634.500.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.870.850.000</b>	<b>3.717.598.214</b>	<b>212.700.000</b>	<b>2.337.900.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	1.870.850.000	3.717.598.214	212.700.000	2.337.900.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>857.327.139</b>	<b>928.165.336</b>	<b>487.028.201</b>	<b>2.323.060.949</b>
Phải thu của khách hàng	131	9	563.355.791	774.327.649	95.968.811	220.365.545
Trả trước cho người bán	132		244.310.610	85.448.323	11.511.620	1.955.493
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	50.264.498	69.861.243	379.547.770	2.100.739.911
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	11	(1.627.556)	(2.063.748)	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.023.796	591.869	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>1.164.486.047</b>	<b>912.218.131</b>	<b>132.253.846</b>	<b>64.893.541</b>
Hàng tồn kho	141		1.195.722.732	934.536.317	132.290.752	64.930.447
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(31.236.685)	(22.318.186)	(36.906)	(36.906)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>51.746.104</b>	<b>26.818.166</b>	<b>20.735.013</b>	<b>2.722.608</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.352.834	15.453.879	20.735.013	2.722.608
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.947.760	9.243.378	-	-
Thuế phải thu Nhà nước	153	21(b)	445.510	2.120.909	-	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”)  
và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Phân loại lại	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Phân loại lại
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>11.071.802.759</b>	<b>14.776.047.816</b>	<b>9.646.873.452</b>	<b>13.013.600.094</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.757.453.117</b>	<b>9.655.240.536</b>	<b>5.810.374.420</b>	<b>9.707.589.215</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	13	5.729.614.068	9.619.772.870	5.779.614.068	9.669.772.870
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	27.839.049	35.467.666	30.760.352	37.816.345
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.516.339.712</b>	<b>3.323.436.866</b>	<b>150.286.871</b>	<b>12.734.240</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.231.781.068	2.185.212.679	17.072.503	11.776.917
Nguyên giá	222		3.225.145.000	3.028.334.189	47.783.232	39.986.287
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(993.363.932)	(843.121.510)	(30.710.729)	(28.209.370)
Tài sản cố định vô hình	227	15	1.284.558.644	1.138.224.187	133.214.368	957.323
Nguyên giá	228		1.796.318.270	1.578.980.315	144.959.779	11.018.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(511.759.626)	(440.756.128)	(11.745.411)	(10.061.580)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>753.303.685</b>	<b>719.169.776</b>	<b>129.587.911</b>	<b>192.320.297</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	753.303.685	719.169.776	129.587.911	192.320.297
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>250.627.489</b>	<b>388.075.056</b>	<b>3.469.100.009</b>	<b>3.062.244.316</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	8(b)	-	-	3.469.100.009	2.918.944.316
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	8(b)	250.627.489	244.025.056	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(a)	-	144.050.000	-	143.300.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>794.078.756</b>	<b>690.125.582</b>	<b>87.524.241</b>	<b>38.712.026</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	168.759.045	187.616.376	3.092.221	3.381.423
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	142.340.473	117.484.368	84.432.020	35.330.603
Lợi thế thương mại	269	19	482.979.238	385.024.838	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>20.995.483.745</b>	<b>23.956.603.756</b>	<b>15.362.538.309</b>	<b>19.389.893.734</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”)  
và các công ty con  
Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Phân loại lại	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>9.972.619.780</b>	<b>11.064.868.554</b>	<b>6.343.308.525</b>	<b>7.888.265.678</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>5.648.766.243</b>	<b>6.957.254.781</b>	<b>6.343.308.525</b>	<b>4.878.821.565</b>
Phải trả người bán	311 20	628.923.450	550.485.687	308.897.878	2.028.927.617
Người mua trả tiền trước	312	45.269.383	23.684.483	18.779.423	5.488.976
Thuế phải nộp Nhà nước	313 21(a)	191.051.827	826.956.095	75.437.349	367.561.529
Phải trả người lao động	314	48.199.974	252.649	23.199.329	13.693
Chi phí phải trả	315 22	877.709.235	895.243.472	451.631.996	223.087.394
Phải trả ngắn hạn khác	319 23(a)	88.517.451	249.586.246	382.819.648	6.230.748
Vay ngắn hạn	320 24(a)	3.746.384.596	4.386.028.263	5.082.542.902	2.247.511.608
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22.710.327	25.017.886	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>4.323.853.537</b>	<b>4.107.613.773</b>	<b>-</b>	<b>3.009.444.113</b>
Phải trả người bán dài hạn	331 20	66.662.868	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	337 23(b)	26.222.730	24.297.318	-	135.132.041
Vay dài hạn	338 24(b)	4.039.034.640	3.884.741.532	-	2.874.312.072
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341 18	189.607.857	195.885.789	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	2.325.442	2.689.134	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>11.022.863.965</b>	<b>12.891.735.202</b>	<b>9.019.229.784</b>	<b>11.501.628.056</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 25</b>	<b>11.022.863.965</b>	<b>12.891.735.202</b>	<b>9.019.229.784</b>	<b>11.501.628.056</b>
Vốn cổ phần	411 26	5.313.263.220	5.313.263.220	5.313.263.220	5.313.263.220
Thặng dư vốn cổ phần	412 26	5.088.056.395	5.088.056.395	5.088.056.395	5.088.056.395
Vốn khác của chủ sở hữu	414	(265.775.657)	(265.775.657)	-	-
Cổ phiếu quỹ	415 26	(1.640.252.631)	(1.640.252.631)	(1.640.252.631)	(1.640.252.631)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22.731.973	22.731.973	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.387.575.936	3.245.457.981	258.162.800	2.740.561.072
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.117.264.729	1.128.253.921	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>20.995.483.745</b>	<b>23.956.603.756</b>	<b>15.362.538.309</b>	<b>19.389.893.734</b>

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:

  
Huỳnh Việt Thăng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Phạm Đình Toại  
Giám đốc Tài chính

  
SeoKhee Won  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”)  
và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 02a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty			
		Giai đoạn sáu tháng kết thúc		Giai đoạn sáu tháng kết thúc			
		30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014		
		VND'000	VND'000	VND'000	VND'000		
		Phân loại lại					
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	5.660.307.266	5.810.117.625	4.465.337.594	4.460.180.392
	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	74.817.904	104.283.110	26.764.878	64.716.623
	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	10	29	5.585.489.362	5.705.834.515	4.438.572.716	4.395.463.769
	Giá vốn hàng bán	11	30	3.139.865.503	3.272.664.971	3.613.386.114	3.934.140.084
	<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	20		2.445.623.859	2.433.169.544	825.186.602	461.323.685
	Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	680.542.637	1.007.120.883	1.060.747.296	949.034.090
	Chi phí tài chính	22	32	254.023.252	293.247.734	193.003.766	215.391.535
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		145.960.594	200.798.352	192.150.947	213.104.667
	Phần lãi trong công ty liên kết	24		6.602.433	73.608.418	-	-
	Chi phí bán hàng	25	33	1.119.445.220	1.262.411.421	883.622.631	385.446.336
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	348.961.888	309.349.882	155.790.149	112.402.842
	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))</b>	30		1.410.338.569	1.648.889.808	653.517.352	697.117.062
	Thu nhập khác	31		2.537.839	3.034.189	595.565	958.237
	Chi phí khác	32		3.836.619	2.852.126	37.992	560.162
	<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	40		(1.298.780)	182.063	557.573	398.075
	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		1.409.039.789	1.649.071.871	654.074.925	697.515.137
	Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	35	232.518.492	337.250.831	104.164.115	58.769.111
	(Lợi ích)/chi phí thuế – TNDN hoãn lại	52	35	(37.579.178)	(36.222.843)	(49.101.417)	68.213.596
	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	60		1.214.100.475	1.348.043.883	599.012.227	570.532.430

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000
	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)</b>				
60		1.214.100.475	1.348.043.883	599.012.227	570.532.430
	<b>Phân bổ cho:</b>				
61	Chủ sở hữu của công ty mẹ	1.224.359.140	1.287.633.626	599.012.227	570.532.430
62	Cổ đông không kiểm soát	(10.258.665)	60.410.257	-	-

Mã	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty		
		Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	
	<b>Lãi trên cổ phiếu</b>					
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	2.385	2.440	N/A	N/A

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:

  
 Huỳnh Việt Thăng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Phạm Đình Toại  
 Giám đốc Tài chính

  
 Seokheek Won  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”)  
và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm  
2015 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Tập đoàn		Công ty		
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	1.409.039.789	1.649.071.871	654.074.925	697.515.137
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao và phân bổ	02	268.668.100	234.686.057	4.348.826	2.059.329
Các khoản dự phòng	03	50.850.743	31.528.381	-	249.776
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	82.491.364	34.962.820	440.772	(10.209)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	1.503.121	624.176	(50.000)	35.985
Thu nhập lãi, cổ tức và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(672.028.098)	(988.726.547)	(1.060.599.865)	(948.899.552)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	05	(6.602.433)	(73.608.418)	-	-
Chi phí lãi vay	06	145.960.594	200.798.352	192.150.947	215.104.667
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.279.883.180</b>	<b>1.089.336.692</b>	<b>(209.634.395)</b>	<b>(33.944.867)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	78.891.290	(124.519.128)	38.597.790	(46.953.335)
Biến động hàng tồn kho	10	(297.291.255)	(573.272.735)	(67.360.305)	(222.299.878)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	191.945.958	543.008.450	(1.424.254.340)	391.343.240
Biến động chi phí trả trước	12	(14.239.491)	2.657.287	(17.006.018)	3.520.571
		<b>1.239.189.682</b>	<b>937.210.566</b>	<b>(1.679.657.268)</b>	<b>91.665.731</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(116.172.535)	(107.761.138)	(38.630.461)	(27.414.268)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(831.532.737)	(420.400.473)	(397.300.336)	(49.415.126)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.834.699)	(48.755.206)	-	(3.889.940)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>286.649.711</b>	<b>360.293.749</b>	<b>(2.115.588.065)</b>	<b>10.946.397</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”)  
và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm  
2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Tập đoàn		Công ty		
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND*000	30/6/2014 VND*000	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND*000	30/6/2014 VND*000	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(539.530.218)	(283.781.734)	(79.658.551)	(55.502.029)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	1.804.664	1.519.712	50.000	359.858
Tiền chi cho các bên liên quan và bên thứ ba vay	23	(7.085.000.000)	(735.000.000)	(7.085.000.000)	(785.000.000)
Tiền thu hồi các khoản các bên liên quan và bên thứ ba vay	24	10.975.158.802	-	10.975.158.802	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(19.082.702.727)	(12.638.699.584)	(14.128.100.000)	(7.741.130.400)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	21.073.500.941	15.593.399.584	16.396.600.000	10.505.430.400
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con và các công ty liên kết	25	(239.180.200)	(19.036.220)	(1.759.296.221)	(31.765.920)
Mua các công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua (Thuyết minh 6)	25	(180.839.069)	-	-	-
Tiền thu từ thanh lý lợi ích trong các công ty con	26	50.000.000	-	1.209.140.528	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27	713.549.498	311.519.560	2.863.373.452	272.327.970
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.686.761.691</b>	<b>2.229.921.318</b>	<b>8.392.268.010</b>	<b>2.164.719.879</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”)  
và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm  
2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Tập đoàn		Công ty		
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	39.904.120	-	39.904.120
Tiền thu từ vốn góp trong công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	31	-	7.189.440	-	-
Tiền thu từ khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn	33	6.737.014.669	4.046.978.250	4.085.145.313	2.184.602.032
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(7.307.680.228)	(4.253.207.265)	(3.885.616.091)	(2.212.637.894)
Tiền trả nợ gốc vay cho một công ty con	34	-	-	(239.250.000)	-
Tiền trả cổ tức	36	(3.021.727.912)	(2.463.701.613)	(3.021.727.912)	(2.430.820.692)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.592.393.471)</b>	<b>(2.622.837.068)</b>	<b>(3.061.448.690)</b>	<b>(2.418.952.434)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>2.381.017.931</b>	<b>(32.622.001)</b>	<b>3.215.231.255</b>	<b>(243.286.158)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.595.756.093</b>	<b>4.168.229.325</b>	<b>1.647.716.542</b>	<b>2.240.125.568</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>2.497.672</b>	<b>2.850.805</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 7)</b>	<b>70</b>	<b>5.979.271.696</b>	<b>4.138.458.129</b>	<b>4.862.947.797</b>	<b>1.996.839.410</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000
▪ Cần trả thu nhập lãi phải thu với chi phí lãi vay phải trả cho công ty mẹ của công ty mẹ và một công ty con	-	20.198.451	-	25.621.904
▪ Chuyển thu nhập lãi và phí duy trì khoản vay phải thu từ công ty mẹ của công ty mẹ sang khoản vay cấp cho công ty mẹ	-	2.831.625.023	-	2.831.625.023
▪ Cần trừ cổ tức phải trả với				
- Lãi phải thu từ công ty mẹ của công ty mẹ	-	141.548.525	-	141.548.525
- Thu từ thanh lý một công ty con	-	1.104.947.070	-	1.104.947.070
- Khoản cho vay phải thu từ công ty mẹ của công ty mẹ và công ty mẹ	-	2.108.529.246	-	2.108.529.246
▪ Chuyển khoản vay ngắn hạn và dài hạn phải thu từ công ty mẹ của công ty mẹ sang khoản vay dài hạn phải thu từ công ty mẹ	-	8.410.000.000	-	8.410.000.000
▪ Vốn hóa chi phí lãi vay vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang	55.975.686	1.504.849	11.756.439	-

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Huỳnh Việt Thăng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Đình Toại  
 Giám đốc Tài chính



Seokhee Won  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; sản xuất và mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) **Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 10 công ty con sở hữu gián tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2015: 4 công ty con sở hữu trực tiếp, 7 công ty con sở hữu gián tiếp và 2 công ty liên kết). Chi tiết thông tin của các công ty con và các công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đầu tư và Đăng ký Kinh Doanh	Địa chỉ	Phần trăm vốn cổ phần tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015
<b>Các công ty con</b>						
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San”)	(i) Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San	(ii) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(ii) Sản xuất gia vị	Lô III-10, đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	(ii) Sản xuất gia vị	Khu 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	94,50%	94,50%	94,50%	94,50%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD”)	(ii) Sản xuất thực phẩm tiện lợi	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đầu tư và Đăng ký Kinh Doanh	Địa chỉ	Phần trăm vốn cổ phần tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(ii), Sản xuất gia vị, thực (iv) phẩm tiện lợi và bao bì	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(ii), Sản xuất thực phẩm (v) tiện lợi	Khu Công nghiệp Sông Hậu, xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	-	100%	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	(ii), Sản xuất thực phẩm (vi) tiện lợi	Lô K4, Đường số 2, Khu công nghiệp Sóng thần 2, phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	99,99%	-	99,99%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	(i) Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	(iii), Sản xuất và kinh doanh (vii) đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	53,20%	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào	(iii) Sản xuất đồ uống	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hào, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	63,95%	63,95%	63,95%	63,95%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(viii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	63,94%	63,94%	99,99%	99,99%



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đầu tư và Đăng ký Kinh Doanh	Địa chỉ	Phần trăm vốn cổ phần tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
			30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Một Thành viên Masan DN	(i), Sản xuất gia vị, thực (ix) phẩm tiện lợi và bao bì	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
<b>Các công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(ii) Sản xuất gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,84%	32,84%	32,84%	32,84%
Công ty Cổ phần Táo Vĩnh Hào	(viii) Sản xuất táo	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hào, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	19,05%	19,05%	30%	30%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các công ty con này được sở hữu trực tiếp bởi Công ty.
- (ii) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San”) (“MSF”).
- (iii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”).
- (iv) Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”) được thành lập vào ngày 20 tháng 10 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2901738808 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, MMB đang trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất cho sản xuất.
- (v) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”) được thành lập vào ngày 11 tháng 6 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6300262818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp. MHG được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, MHG vẫn chưa đi vào hoạt động và đang trong quá trình lên kế hoạch xây dựng.
- (vi) Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”) được mua bởi MSF vào ngày 14 tháng 1 năm 2015 với số tiền 200.000 triệu VND không bao gồm chi phí giao dịch (Thuyết minh 6). Do kết quả từ giao dịch này, SNF trở thành một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSF.
- (vii) Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (“VCF”) trước kia là công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty. Vào ngày 5 tháng 2 năm 2015, Công ty đã chuyển cho MSB toàn bộ cổ phần của Công ty trong VCF. Do kết quả từ giao dịch này, VCF trở thành công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB.
- (viii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha và Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hảo được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (ix) Công ty TNHH Một Thành viên Masan ĐN (“MDN”) được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, MDN vẫn chưa đi vào hoạt động.

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1.370 nhân viên (1/1/2015: 1.339 nhân viên) và Tập đoàn có 4.678 nhân viên (1/1/2015: 5.537 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ nên được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ các báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Các báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”).

## **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây về phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ sau đây:

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) (thuyết minh 4(a)(ii));
- Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung (thuyết minh 4(a)(vi));
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b));
- Lợi thế thương mại (thuyết minh 4(k));
- Vốn khác của chủ sở hữu (thuyết minh 4(q)(ii); và
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(u)).

#### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

##### **(a) Cơ sở hợp nhất**

###### **(i) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

###### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, đối với những thay đổi về quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu, chênh lệch giữa tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202, chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

###### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi mất quyền kiểm soát, nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư phần lợi ích còn lại trong công ty con được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua, hoặc trình bày theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã căn nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 - *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn giả định cho hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác của vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202, chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và các khoản vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 4 - 30 năm |
| ▪ nâng cấp tài sản thuê  | 3 - 5 năm  |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 - 10 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 - 25 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 - 10 năm |



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 19 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

**(iii) Quyền khai thác**

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 18 đến 30 năm.

**(iv) Thương hiệu**

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận như một tài sản vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 20 năm.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Quan hệ khách hàng**

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 5 đến 13 năm.

**(vi) Tài nguyên nước khoáng**

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 10 đến 19 năm.

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ là 42 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Phí thu xếp**

Phí thu xếp là các khoản phí liên quan đến việc sắp xếp các hạn mức cho vay phải thanh toán cho bên cho vay và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn vay là 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa là 10 năm. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202, việc phân bổ lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được chấm dứt. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty hoặc Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty hoặc Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**(n) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty hoặc Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty hoặc Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty hoặc Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần, được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty hoặc Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính nếu khoản nợ đó:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty hoặc Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Công cụ tài chính phái sinh**

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về biến động giá của nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán với giá gốc tại ngày hợp đồng phái sinh được ký kết. Các khoản lãi và lỗ đã thực hiện từ các công cụ phái sinh được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202, biến động này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phiếu cổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(r) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay và các khoản thu nhập liên quan, cổ tức, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí liên quan, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản liên quan này.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phần bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(w) Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các công ty và cá nhân trực tiếp hay gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của Tập đoàn, bao gồm công ty chủ quản, các công ty con và các công ty con thành viên. Các công ty liên kết và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp, quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng trọng yếu đến công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt, bao gồm các giám đốc và nhân viên của Tập đoàn và các thành viên trong gia đình của các cá nhân và công ty liên kết với các cá nhân này cũng là các bên liên quan.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## Báo cáo bộ phận

### Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành bốn bộ phận kinh doanh chính là gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống và các bộ phận kinh doanh khác. Các bộ phận kinh doanh khác chủ yếu là dịch vụ tư vấn và cho thuê nhà kho.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Gia vị VND'000	Thực phẩm tiện lợi (*) VND'000	Đồ uống (*) VND'000	Khác VND'000	Hợp nhất VND'000
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.256.694.079	2.036.813.273	1.259.798.535	32.183.475	5.585.489.362
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.269.586.520	731.103.470	434.412.604	10.521.265	2.445.623.859
Kết quả kinh doanh của bộ phận	884.038.070	343.979.876	(78.418.217)	10.521.265	1.160.120.994
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					176.301.810
Doanh thu hoạt động tài chính					680.542.637
Chi phí tài chính					254.023.252
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					1.410.338.569
Thu nhập khác					2.537.839
Chi phí khác					3.836.619
Chi phí thuế TNDN					194.939.314
Lợi nhuận sau thuế TNDN					1.214.100.475

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Gia vị VND'000	Thực phẩm tiện lợi (*) VND'000	Bao bì VND'000	Đồ uống (*) VND'000	Thực ăn gia súc (**) VND'000	Khác VND'000	Hợp nhất VND'000
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Phân loại lại	Phân loại lại	Phân loại lại	Phân loại lại	Phân loại lại	Phân loại lại	Phân loại lại
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài – thuần	2.264.671.525	1.891.193.373	-	1.453.696.106	-	96.273.511	5.705.834.515
Doanh thu giữa các bộ phận – thuần	(67.414.033)	(135.839.122)	203.253.155	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận – thuần</b>	<b>2.197.257.492</b>	<b>1.755.354.251</b>	<b>203.253.155</b>	<b>1.453.696.106</b>	<b>-</b>	<b>96.273.511</b>	<b>5.705.834.515</b>
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.218.228.847	611.934.154	25.976.683	490.842.456	-	86.187.404	2.433.169.544
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>856.677.995</b>	<b>113.619.168</b>	<b>24.810.081</b>	<b>(48.649.306)</b>	<b>73.608.418</b>	<b>86.187.404</b>	<b>1.106.253.760</b>
Chi phí bán hàng không phân bổ							19.547.780
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ							151.689.321
Doanh thu hoạt động tài chính							1.007.120.883
Chi phí tài chính							293.247.734
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>							<b>1.648.889.808</b>
Thu nhập khác							3.034.189
Chi phí khác							2.852.126
Chi phí thuế TNDN							301.027.988
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>							<b>1.348.043.883</b>

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu giữa các bộ phận – thuần chủ yếu đến từ các giao dịch bán hàng giữa Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt (“MVP”), một công ty con trước đây được sở hữu gián tiếp bởi Công ty, với các bộ phận khác. Do kết quả của việc thanh lý MVP vào tháng 12 năm 2014, trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 không phát sinh loại doanh thu này và bộ phận kinh doanh bao bì này.

Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm tiện lợi và Đồ uống bao gồm khấu hao lợi thế thương mại với số tiền là 32.323 triệu VND (30/6/2014: 25.750 triệu VND), khấu hao tài sản cố định vô hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 69.052 triệu VND (30/6/2014: 66.612 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 12.695 triệu VND (30/6/2014: 12.635 triệu VND) trong kỳ.

Kết quả kinh doanh của bộ phận Thức ăn gia súc chủ yếu đến từ lợi nhuận được chia từ công ty liên kết là Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc, công ty này đã được thanh lý vào ngày 28 tháng 5 năm 2014. Do đó, không có kết quả kinh doanh của bộ phận Thức ăn gia súc cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

	<b>Gia vị VND'000</b>	<b>Thực phẩm tiện lợi VND'000</b>	<b>Đồ uống VND'000</b>	<b>Hợp nhất VND'000</b>
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>				
Tài sản bộ phận	1.746.631.449	933.476.091	3.184.756.406	5.864.863.946
Tài sản không phân bổ				15.130.619.799
<b>Tổng tài sản</b>				<b>20.995.483.745</b>
Nợ phải trả bộ phận	65.918.885	154.081.288	510.803.900	730.804.073
Các khoản nợ không phân bổ				9.241.815.707
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>9.972.619.780</b>
<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>				
Chỉ tiêu vốn	80.255.932	28.199.372	175.355.245	283.810.549
Chỉ tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	201.065.179
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	61.306.700	47.504.097	47.979.614	156.790.411
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ	-	-	-	3.508.841
Hao mòn tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	2.924.861	9.257.859	100.764.704	112.947.424
Hao mòn tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ	-	-	-	56.348.464

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>Gia vị VND'000</b>	<b>Thực phẩm tiện lợi VND'000</b>	<b>Bao bì VND'000</b>	<b>Đồ uống VND'000</b>	<b>Thực ăn gia súc VND'000</b>	<b>Khác VND'000</b>	<b>Hợp nhất VND'000</b>
Tài sản bộ phận	1.345.586.382	987.919.811	-	2.996.110.327	-	-	5.329.616.520
Tài sản không phân bổ							18.626.987.236
<b>Tổng tài sản</b>							<b>23.956.603.756</b>
Nợ phải trả bộ phận	62.069.273	167.914.213	-	459.655.096	-	-	689.638.582
Các khoản nợ không phân bổ							10.375.229.972
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>11.064.868.554</b>
<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>							
Chi tiêu vốn	29.629.603	58.614.138	7.155.882	129.223.590	-	-	224.623.213
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	-	-	-	70.219.624
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	45.482.107	36.488.783	10.844.666	30.934.686	-	-	123.750.242
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ	-	-	-	-	-	-	7.009.694
Hao mòn tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	2.319.193	1.474.237	2.480.042	106.023.159	-	-	112.296.631
Hao mòn tài sản cố định vô hình, lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn không phân bổ	-	-	-	-	-	-	54.345.191

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các khoản tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau :

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
		<b>Phân loại lại</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.979.271.696	3.595.756.093
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.870.850.000	3.717.598.214
Các khoản phải thu ngắn hạn	747.811.026	797.787.877
Hàng tồn kho	103.136.596	126.366.825
Tài sản ngắn hạn khác	37.321.275	8.204.286
Các khoản phải thu dài hạn	5.757.453.117	9.654.319.248
Tài sản cố định	165.614.311	92.620.680
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	203.885.236	203.190.867
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	144.050.000
Tài sản dài hạn khác	265.276.542	287.093.146
<b>Tài sản không phân bổ</b>	<b>15.130.619.799</b>	<b>18.626.987.236</b>
Phải trả người bán	327.579.237	277.466.444
Người mua trả tiền trước	18.970.843	5.733.853
Thuế phải nộp Nhà nước	171.810.552	778.663.240
Phải trả người lao động	33.519.903	13.693
Chi phí phải trả	625.654.280	594.204.907
Phải trả ngắn hạn khác	83.977.970	246.360.882
Vay ngắn hạn	3.746.384.596	4.386.028.263
Phải trả dài hạn khác	5.275.829	6.131.369
Vay dài hạn	4.039.034.640	3.884.741.532
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	189.607.857	195.885.789
<b>Các khoản nợ không phân bổ</b>	<b>9.241.815.707</b>	<b>10.375.229.972</b>

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Hợp nhất kinh doanh**

**Mua lại Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn – giao dịch không chịu sự kiểm soát chung**

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 99,99% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”) thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San”) (“MSF”) với số tiền 200.000 triệu VND không bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua lại này dẫn đến Công ty nắm giữ 99,99% quyền sở hữu trong SNF tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Việc mua lại này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND*000	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND*000	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND*000
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.160.531	-	19.160.531
Phải thu của khách hàng	394.548	-	394.548
Trả trước cho người bán	1.124.624	-	1.124.624
Phải thu ngắn hạn khác	100.151	-	100.151
Hàng tồn kho	6.575.245	-	6.575.245
Chi phí trả trước ngắn hạn	485.804	-	485.804
Phải thu dài hạn khác	1.359.292	-	1.359.292
Tài sản cố định hữu hình	11.559.132	845.989	12.405.121
Tài sản cố định vô hình	92.674	40.755.230	40.847.904
Chi phí trả trước dài hạn	286.394	-	286.394
Phải trả người bán	(1.480.187)	-	(1.480.187)
Người mua trả tiền trước	(1.007.577)	-	(1.007.577)
Thuế phải nộp Nhà nước	(885.646)	-	(885.646)
Phải trả người lao động	(2.334.294)	-	(2.334.294)
Chi phí phải trả	(556.329)	-	(556.329)
Phải trả ngắn hạn khác	(533.047)	-	(533.047)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(965.790)	-	(965.790)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(6.445.141)	(6.445.141)
<b>Tổng tài sản thuần có thể xác định được mua</b>	<b>33.375.525</b>	<b>35.156.078</b>	<b>68.531.603</b>
Phần tài sản thuần được mua			68.531.466
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			131.468.134
<b>Khoản thanh toán cho việc mua lại</b>			<b>199.999.600</b>
<b>Khoản tiền thu được</b>			<b>(19.160.531)</b>
<b>Tiền thuần chi ra</b>			<b>180.839.069</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ việc mua lại liên quan chủ yếu đến khả năng hiệp lực mà Ban Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất công ty được mua vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 46.821 triệu VND doanh thu thuần và 6.061 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

## 7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Tiền mặt	962.736	1.067.440	40.903	483.770
Tiền gửi ngân hàng	178.706.233	194.653.511	33.406.894	12.732.772
Các khoản tương đương tiền	5.799.602.727	3.400.035.142	4.829.500.000	1.634.500.000
	<b>5.979.271.696</b>	<b>3.595.756.093</b>	<b>4.862.947.797</b>	<b>1.647.716.542</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

## 8. Các khoản đầu tư tài chính

### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>		<b>Phân loại lại</b>		<b>Phân loại lại</b>
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.870.850.000	3.717.598.214	212.700.000	2.337.900.000
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn</b>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	144.050.000	-	143.300.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại trên mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Tập đoàn

	30/6/2015			Giá gốc VND'000	1/1/2015			Giá gốc VND'000 Phân loại lại
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư vào các công ty liên kết (****):								
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	2.660.217	32,84%	32,84%	247.027.489	2.660.217	32,84%	32,84%	240.425.056
▪ Công ty Cổ phần Táo Vinh Hào	360.000	19,05%	30,00%	3.600.000	360.000	19,05%	30,00%	3.600.000
				250.627.489				244.025.056

Công ty

	30/6/2015			Giá gốc VND'000	1/1/2015			Giá gốc VND'000 Phân loại lại
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư vào các công ty con:								
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (*)		100,00%	100,00%	1.789.100.009		100,00%	100,00%	1.239.100.008
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (**)		100,00%	100,00%	1.680.000.000		100,00%	100,00%	470.703.780
▪ Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (***)	-	-	-	-	14.140.911	53,20%	53,20%	1.209.140.528
				3.469.100.009				2.918.944.316

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tập đoàn và Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản đầu tư vào các công ty con với số tiền là 3.469.100 triệu VND (1/1/2015: 1.709.804 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24(b)).

- (\*) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San”) có 7 công ty con gồm Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (“MSI”), Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), Công ty Cổ phần Ma San PQ (“MPQ”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD”) (“MHD”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”) và Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”). Các công ty con này, ngoại trừ MMB, MHG và SNF, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. MMB và MHG là các công ty mới được thành lập và chưa đi vào hoạt động. SNF là công ty sản xuất và mua bán. Xem thêm Thuyết minh 1(d) trình bày về hoạt động chính của các công ty con và Thuyết minh 38 về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (\*\*) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 3 công ty con gồm Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (“VCF”), Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào (“VHC”) và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha. VCF và VHC là các công ty sản xuất đồ uống và phân phối sản phẩm trực tiếp ra thị trường. Xem thêm Thuyết minh 1(d) trình bày về hoạt động chính của các công ty con và Thuyết minh 38 về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (\*\*\*) Vào ngày 5 tháng 2 năm 2015, Công ty đã chuyển quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (“VCF”), một công ty con, cho Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (“MSB”), một công ty con thành lập được sở hữu toàn bộ bởi Công ty. Do kết quả từ giao dịch này VCF trở thành một công ty con được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MSB.
- (\*\*\*\*) Tập đoàn không có giao dịch trọng yếu nào với các công ty liên kết trong kỳ. Xem thêm Thuyết minh 1(d) trình bày về hoạt động chính của các công ty liên kết này.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	<b>Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex VND'000</b>	<b>Công ty Cổ phần Táo Vinh Hào VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
Giá trị ghi sổ của lợi ích trong các công ty liên kết	240.425.056	3.600.000	244.025.056
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ các công ty liên kết trong kỳ	6.602.433	-	6.602.433
	247.027.489	3.600.000	250.627.489

## 9. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn

### (a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

Bao gồm trong phải thu của khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, có khoản phải thu với số tiền là 450.000 triệu VND (1/1/2015: 500.000 triệu VND) liên quan đến khoản phải thu từ giao dịch thanh lý một công ty con, khoản phải thu này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### (b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
<b>Các công ty con</b>				
▪ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vinh Hào	-	-	26.296.132	-
▪ Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	-	-	6.007.105	102.993
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	-	-	83.717	-
<b>Các bên liên quan khác</b>				
▪ Công ty TNHH Masan Master Brewery (trước đây là “ Công ty TNHH Một Thành viên Lamka”)	172.684	1.100.000	-	1.100.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery PY (trước đây là “Công ty Cổ phần Bía và Nước Giải Khát Phú Yên”)	110.000	-	110.000	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**10. Phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
		Phân loại lại		Phân loại lại
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con (*)				
▪ Cổ tức phải thu	-	-	231.367.188	2.000.437.943
▪ Phải thu khác	-	-	125.028.379	54.655.987
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	33.629.246	58.539.975	14.682.629	38.552.592
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	9.761.866	4.729.931	5.998.950	2.314.849
Phải thu khác	6.873.386	6.591.337	2.470.624	4.778.540
	<b>50.264.498</b>	<b>69.861.243</b>	<b>379.547.770</b>	<b>2.100.739.911</b>

(\*) Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
		Phân loại lại		Phân loại lại
Lãi dự thu từ:				
▪ Cho công ty mẹ vay (*)	-	18.975.990	-	18.975.990
▪ Cho công ty con vay (*)	-	-	5.521.297	3.287.967
▪ Hoạt động đầu tư cho vay khác (*)	13.084.678	-	13.084.678	-
▪ Tiền gửi ngân hàng	45.150	4.712.070	-	4.694.070
Các khoản ký quỹ dài hạn	14.709.221	11.779.606	12.154.377	10.858.318
	<b>27.839.049</b>	<b>35.467.666</b>	<b>30.760.352</b>	<b>37.816.345</b>

(\*) Các khoản phải thu này liên quan đến thu nhập lãi từ các khoản vay cấp cho Công ty TNHH MasanConsumerHoldings, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và hoạt động đầu tư cho vay khác. Xem thêm Thuyết minh 13 để biết thêm thông tin.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 11. Nợ xấu và nợ khó đòi

<u>Tập đoàn</u>		30/6/2015			1/1/2015		
Số ngày quá hạn	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá trị có thể thu hồi VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá trị có thể thu hồi VND'000	
0 – 30 ngày	33.924.310	-	33.924.310	37.313.447	424.675	36.888.772	
31 – 180 ngày	1.907.341	-	1.907.341	6.989.692	87.951	6.901.741	
181 – 365 ngày	714.017	-	714.017	786.773	480.130	306.643	
Trên 365 ngày	2.026.073	1.627.556	398.517	1.070.992	1.070.992	-	
	38.571.741	1.627.556	36.944.185	46.160.904	2.063.748	44.097.156	
Dự phòng phải thu khó đòi		1.627.556			2.063.748		

## 12. Hàng tồn kho

<u>Tập đoàn</u>	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi trên đường	27.881.458	-	45.741.996	-
Nguyên vật liệu	649.199.548	27.833.604	563.932.364	8.580.583
Công cụ và dụng cụ	59.464.805	28.217	59.379.469	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.569.022	-	40.533.800	-
Thành phẩm	405.948.768	3.045.427	219.867.599	13.700.697
Hàng hóa	3.659.131	329.437	5.081.089	36.906
	1.195.722.732	31.236.685	934.536.317	22.318.186
<u>Công ty</u>	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi trên đường	4.730.560	-	-	-
Nguyên vật liệu	29.576.513	36.906	24.608.970	36.906
Thành phẩm	1.330.083	-	2.021.370	-
Hàng hóa	96.653.596	-	38.300.107	-
	132.290.752	36.906	64.930.447	36.906

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>		<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Số dư đầu kỳ	22.318.186	20.739.357	36.906	382.548
Tăng dự phòng trong kỳ	51.960.714	34.607.934	-	249.776
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(42.680.085)	(38.044.926)	-	(345.642)
Hoàn nhập dự phòng	(362.130)	(3.489.168)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>31.236.685</b>	<b>13.813.197</b>	<b>36.906</b>	<b>286.682</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, một số hàng tồn kho của Tập đoàn với số tiền là 400.032 triệu VND được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD”) và Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (Thuyết minh 24(a)).

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn và Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có lần lượt 31.237 triệu VND và 37 triệu VND (1/1/2015: 22.318 triệu VND và 37 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

### 13. Phải thu về cho vay dài hạn

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Các khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings, công ty mẹ	-	9.619.772.870	-	9.619.772.870
▪ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào, một công ty con (*)	-	-	50.000.000	50.000.000
Khoản phải thu từ hoạt động đầu tư cho vay khác (**)	5.729.614.068	-	5.729.614.068	-
	<b>5.729.614.068</b>	<b>9.619.772.870</b>	<b>5.779.614.068</b>	<b>9.669.772.870</b>

(\*) Khoản cho vay phải thu dài hạn từ công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất trong kỳ là 8,5% một năm (2014: 8,5%). Khoản cho vay này đáo hạn vào ngày 28 tháng 3 năm 2017. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn hoặc ngày thanh toán trước hạn của các thỏa thuận vay liên quan.

(\*\*) Khoản cho vay phải thu dài hạn này là kết quả của hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn nhằm tối đa hóa thu nhập hoạt động tài chính của các tài sản có tính thanh khoản, khoản cho vay phải thu dài hạn này được bảo lãnh bởi một Doanh nghiệp và được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay này. Khoản cho vay này chịu lãi suất trong kỳ là 12% một năm và đáo hạn vào ngày 19 tháng 6 năm 2017. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn hoặc ngày thanh toán trước hạn của các thỏa thuận vay liên quan, tùy theo ngày nào đến trước.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

<u>Tập đoàn</u>	Nhà cửa VND'000	Nâng cấp tài sản thuê VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	858.633.025	10.622.458	36.688.562	2.091.650.938	30.739.206	3.028.334.189
Tăng từ mua công ty con	916.356	-	119.682	10.553.332	815.751	12.405.121
Tăng trong kỳ	142.653	-	34.890	1.573.802	38.076	1.789.421
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	28.938.075	-	7.013.707	157.732.376	1.471.726	195.155.884
Phân loại lại	(15.115.296)	-	1.885.918	13.229.378	-	-
Thanh lý	(1.731.571)	-	-	(8.819.313)	(1.988.731)	(12.539.615)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>871.783.242</b>	<b>10.622.458</b>	<b>45.742.759</b>	<b>2.265.920.513</b>	<b>31.076.028</b>	<b>3.225.145.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	122.598.066	7.718.774	19.781.079	678.376.476	14.647.115	843.121.510
Khấu hao trong kỳ	25.849.112	748.463	2.749.572	129.089.899	1.862.206	160.299.252
Phân loại lại	(4.763.097)	-	783.623	3.979.474	-	-
Thanh lý	(1.153.750)	-	-	(6.944.956)	(1.958.124)	(10.056.830)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>142.530.331</b>	<b>8.467.237</b>	<b>23.314.274</b>	<b>804.500.893</b>	<b>14.551.197</b>	<b>993.363.932</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	736.034.959	2.903.684	16.907.483	1.413.274.462	16.092.091	2.185.212.679
Số dư cuối kỳ	729.252.911	2.155.221	22.428.485	1.461.419.620	16.524.831	2.231.781.068

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Nhà cửa VND'000</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuế VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	628.593.015	7.441.071	35.943.133	1.599.848.720	35.835.888	2.307.661.827
Tăng trong kỳ	629.768	-	752.943	2.947.220	-	4.329.931
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	74.169.891	-	126.500	449.502.927	102.000	523.901.318
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	11.365	-	-	(3.017.830)	-	(3.006.465)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(480.000)	-	(480.000)
Phân loại lại	(1.853.562)	-	667.715	1.185.847	-	-
Thanh lý	(775.930)	-	-	(4.478.506)	(2.019.705)	(7.274.141)
Xóa sổ	(293.611)	-	-	(621.476)	-	(915.087)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>700.480.936</b>	<b>7.441.071</b>	<b>37.490.291</b>	<b>2.044.886.902</b>	<b>33.918.183</b>	<b>2.824.217.383</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	85.945.213	7.131.289	15.602.557	551.308.772	17.170.236	677.158.067
Khấu hao trong kỳ	21.732.451	66.382	3.053.973	104.054.532	1.852.599	130.759.937
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(1.716.691)	-	(1.716.691)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(100.000)	-	(100.000)
Phân loại lại	106.409	-	652.624	(759.033)	-	-
Thanh lý	(750.337)	-	-	(3.477.382)	(944.180)	(5.171.899)
Xóa sổ	(293.611)	-	-	(579.830)	-	(873.441)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>106.740.125</b>	<b>7.197.671</b>	<b>19.309.154</b>	<b>648.730.368</b>	<b>18.078.655</b>	<b>800.055.973</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	542.647.802	309.782	20.340.576	1.048.539.948	18.665.652	1.630.503.760
Số dư cuối kỳ	593.740.811	243.400	18.181.137	1.396.156.534	15.839.528	2.024.161.410



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

<b>Công ty</b>	<b>Nhà cửa VND'000</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	1.874.006	10.622.457	8.290.500	3.392.020	15.807.304	39.986.287
Tăng trong kỳ	-	-	34.890	-	-	34.890
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	7.013.706	183.550	728.435	7.925.691
Thanh lý	-	-	-	-	(163.636)	(163.636)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.874.006</b>	<b>10.622.457</b>	<b>15.339.096</b>	<b>3.575.570</b>	<b>16.372.103</b>	<b>47.783.232</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.442.294	7.718.774	6.915.189	984.714	11.148.399	28.209.370
Khấu hao trong kỳ	106.552	748.463	325.148	865.699	619.133	2.664.995
Thanh lý	-	-	-	-	(163.636)	(163.636)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.548.846</b>	<b>8.467.237</b>	<b>7.240.337</b>	<b>1.850.413</b>	<b>11.603.896</b>	<b>30.710.729</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	431.712	2.903.683	1.375.311	2.407.306	4.658.905	11.776.917
Số dư cuối kỳ	325.160	2.155.220	8.098.759	1.725.157	4.768.207	17.072.503

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

<b>Công ty</b>	<b>Nhà cửa VND'000</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	1.793.737	7.441.071	8.045.863	3.449.906	12.576.873	33.307.450
Tăng trong kỳ	80.270	-	169.000	177.940	-	427.210
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	88.550	-	88.550
Thanh lý	-	-	-	(753.987)	-	(753.987)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.874.007</b>	<b>7.441.071</b>	<b>8.214.863</b>	<b>2.962.409</b>	<b>12.576.873</b>	<b>33.069.223</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.076.711	7.131.289	5.965.860	856.598	10.218.058	25.248.516
Khấu hao trong kỳ	202.417	66.382	597.374	241.738	369.257	1.477.168
Thanh lý	-	-	-	(358.144)	-	(358.144)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.279.128</b>	<b>7.197.671</b>	<b>6.563.234</b>	<b>740.192</b>	<b>10.587.315</b>	<b>26.367.540</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	717.026	309.782	2.080.003	2.593.308	2.358.815	8.058.934
Số dư cuối kỳ	594.879	243.400	1.651.629	2.222.217	1.989.558	6.701.683

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản cố nguyên giá lần lượt là 140.781 triệu VND và 23.706 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 112.393 triệu VND và 22.263 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại là 1.340.006 triệu VND (1/1/2015: 815.204 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay cấp cho Tập đoàn (Thuyết minh 24(a)).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 13.877 triệu VND (1/1/2015: Không).

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 15.240 triệu VND (1/1/2015: 33.679 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 15. Tài sản cố định vô hình

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

<u>Tập đoàn</u>	Quyền sử dụng đất VND'000	Phần mềm máy vi tính VND'000	Quyền khai thác VND'000	Thương hiệu VND'000	Quan hệ khách hàng VND'000	Nguồn nước khoáng VND'000	Tổng cộng VND'000
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	170.253.882	24.913.998	-	703.366.175	375.110.435	305.335.825	1.578.980.315
Tăng từ mua công ty con	-	92.674	-	14.298.498	26.456.732	-	40.847.904
Tăng trong kỳ	-	-	74.845.198	-	-	-	74.845.198
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	133.940.876	-	-	-	-	133.940.876
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(32.295.242)	(781)	-	-	-	-	(32.296.023)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>137.958.640</b>	<b>158.946.767</b>	<b>74.845.198</b>	<b>717.664.673</b>	<b>401.567.167</b>	<b>305.335.825</b>	<b>1.796.318.270</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	24.053.305	12.600.990	-	188.005.104	211.106.529	4.990.200	440.756.128
Khấu hao trong kỳ	2.121.595	2.557.209	1.084.222	31.741.053	36.049.244	1.301.791	74.855.114
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.850.835)	(781)	-	-	-	-	(3.851.616)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>22.324.065</b>	<b>15.157.418</b>	<b>1.084.222</b>	<b>219.746.157</b>	<b>247.155.773</b>	<b>6.291.991</b>	<b>511.759.626</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	146.200.577	12.313.008	-	515.361.071	164.003.906	300.345.625	1.138.224.187
Số dư cuối kỳ	115.634.575	143.789.349	73.760.976	497.918.516	154.411.394	299.043.834	1.284.558.644

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND'000</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND'000</b>	<b>Thương hiệu VND'000</b>	<b>Quan hệ khách hàng VND'000</b>	<b>Tài nguyên nước khoáng VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	173.792.725	23.596.645	702.866.175	375.110.435	305.335.825	1.580.701.805
Tăng trong kỳ	-	163.230	-	-	-	163.230
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	923.275	-	-	-	923.275
Số dư cuối kỳ	173.792.725	24.683.150	702.866.175	375.110.435	305.335.825	1.581.788.310
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	20.194.316	9.982.718	125.664.636	142.787.577	2.386.618	301.015.865
Khấu hao trong kỳ	2.474.443	1.433.348	31.159.817	34.159.477	8.651.791	77.878.876
Số dư cuối kỳ	22.668.759	11.416.066	156.824.453	176.947.054	11.038.409	378.894.741
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	153.598.409	13.613.927	577.201.539	232.322.858	302.949.207	1.279.685.940
Số dư cuối kỳ	151.123.966	13.267.084	546.041.722	198.163.381	294.297.416	1.202.893.569

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

<b>Công ty</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND'000</b>	<b>Thương hiệu VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	10.382.539	636.364	11.018.903
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	133.940.876	-	133.940.876
Số dư cuối kỳ	144.323.415	636.364	144.959.779
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	9.463.328	598.252	10.061.580
Khấu hao trong kỳ	1.668.446	15.385	1.683.831
Số dư cuối kỳ	11.131.774	613.637	11.745.411
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	919.211	38.112	957.323
Số dư cuối kỳ	133.191.641	22.727	133.214.368

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

<b>Công ty</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND'000</b>	<b>Thương hiệu VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	9.345.992	636.364	9.982.356
Tăng trong kỳ	163.230	-	163.230
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	923.275	-	923.275
Số dư cuối kỳ	10.432.497	636.364	11.068.861
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	8.568.207	580.070	9.148.277
Khấu hao trong kỳ	573.070	9.091	582.161
Số dư cuối kỳ	9.141.277	589.161	9.730.438
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	777.785	56.294	834.079
Số dư cuối kỳ	1.291.220	47.203	1.338.423

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá lần lượt là 9.730 triệu VND và 9.654 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 10.097 triệu VND và 9.482 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, quyền sử dụng đất của Tập đoàn có giá trị còn lại là 63.404 triệu VND (1/1/2015: 70.093 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay cấp cho Tập đoàn (Thuyết minh 24(a)).

## 16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc		Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư đầu kỳ	719.169.776	701.970.541	192.320.297	1.031.976
Tăng trong kỳ	369.993.373	311.489.850	79.851.366	48.101.800
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(195.155.884)	(523.901.318)	(7.925.691)	(88.550)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(133.940.876)	(923.275)	(133.940.876)	(923.275)
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	(5.937.704)	(4.368.552)	(717.185)	739.024
Thanh lý	(825.000)	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>753.303.685</b>	<b>484.267.246</b>	<b>129.587.911</b>	<b>48.860.975</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015		30/6/2015	
	VND'000	1/1/2015	VND'000	1/1/2015
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Nhà cửa	124.683.992	49.391.464	20.689.774	19.622.448
Máy móc và thiết bị	520.315.953	497.080.463	594.397	-
Phần mềm máy vi tính	108.303.740	172.697.849	108.303.740	172.697.849
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>753.303.685</b>	<b>719.169.776</b>	<b>129.587.911</b>	<b>192.320.297</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 39.632 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Tập đoàn (1/1/2015: Không) (Thuyết minh 24(b)).

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn và Công ty lần lượt là 55.976 triệu VND và 11.756 triệu VND (2014: 37.415 triệu VND và Không).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Chi phí đất trả trước VND'000</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND'000</b>	<b>Phí thu xếp VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
Số dư đầu kỳ	2.171.098	30.068.600	155.376.678	187.616.376
Tăng từ mua công ty con	-	286.394	-	286.394
Tăng trong kỳ	-	5.953.443	-	5.953.443
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	28.444.407	-	-	28.444.407
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.937.704	-	5.937.704
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	1.353.873	-	1.353.873
Phân bổ trong kỳ	(355.784)	(11.251.877)	(49.177.448)	(60.785.109)
Thanh lý	-	(48.043)	-	(48.043)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.259.721</b>	<b>32.300.094</b>	<b>106.199.230</b>	<b>168.759.045</b>

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Chi phí đất trả trước VND'000</b>	<b>Trục in VND'000</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND'000</b>	<b>Phí thu xếp VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
Số dư đầu kỳ	2.226.276	1.096.702	26.021.141	254.004.891	283.349.010
Tăng trong kỳ	-	2.140.915	4.646.327	-	6.787.242
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	4.368.552	-	4.368.552
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	1.289.774	-	1.289.774
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	1.993.526	-	1.993.526
Phân bổ trong kỳ	(30.017)	(1.569.581)	(12.142.728)	(48.973.375)	(62.715.701)
Thanh lý	-	-	(128.429)	-	(128.429)
Xóa sổ	-	-	(207.779)	-	(207.779)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.196.259</b>	<b>1.668.036</b>	<b>25.840.384</b>	<b>205.031.516</b>	<b>234.736.195</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Công ty**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Công cụ và dụng cụ	
	30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000
Số dư đầu kỳ	3.381.423	3.827.332
Tăng trong kỳ	73.931	1.457.012
Chuyển từ/(sang) chi phí xây dựng cơ bản dở dang	717.185	(739.024)
Phân bổ trong kỳ	(1.080.318)	(491.669)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(691.976)
Số dư cuối kỳ	3.092.221	3.361.675

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tiền thuê đất trả trước có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 23.106 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2015: Không) (Thuyết minh 24(b)).

**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

<b><u>Tập đoàn</u></b>	30/6/2015		1/1/2015	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND'000	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND'000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	78.522.673	-	71.916.135	-
Chi phí kho vận phải trả	23.685.996	-	19.116.227	-
Chiết khấu thương mại phải trả	6.244.004	-	12.770.215	-
Chi phí phải trả khác	28.015.081	-	9.980.605	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.872.719	-	3.701.186	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(12.142.997)	-	(13.826.495)
Tài sản cố định vô hình	-	(177.464.860)	-	(182.059.294)
	142.340.473	(189.607.857)	117.484.368	(195.885.789)



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<u>Công ty</u>	<b>30/6/2015</b> <b>Tài sản thuế thu</b> <b>nhập hoãn lại</b> <b>VND'000</b>	<b>1/1/2015</b> <b>Tài sản thuế thu</b> <b>nhập hoãn lại</b> <b>VND'000</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	54.552.558	9.582.849
Chi phí kho vận phải trả	18.337.256	14.763.880
Chiết khấu thương mại phải trả	4.605.308	9.167.495
Chi phí phải trả khác	6.936.898	1.816.379
	<b>84.432.020</b>	<b>35.330.603</b>

**19. Lợi thế thương mại**

<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2015</b> <b>VND'000</b>	<b>30/6/2014</b> <b>VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	520.944.888	520.944.888
Tăng trong kỳ	131.468.134	-
	<b>652.413.022</b>	<b>520.944.888</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	135.920.050	83.825.561
Khấu hao trong kỳ	33.513.734	26.047.244
	<b>169.433.784</b>	<b>109.872.805</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	385.024.838	437.119.327
Số dư cuối kỳ	<b>482.979.238</b>	<b>411.072.083</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

<u>Tập đoàn</u>	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	628.923.450	628.923.450	550.485.687	550.485.687
Dài hạn	66.662.868	66.662.868	-	-
	<b>695.586.318</b>	<b>695.586.318</b>	<b>550.485.687</b>	<b>550.485.687</b>

  

<u>Công ty</u>	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	308.897.878	308.897.878	2.028.927.617	2.028.927.617

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
<b>Các công ty con</b>				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	-	-	154.296.642	510.278.394
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San	-	-	62.849.233	962.560.656
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD”)	-	-	4.674.384	442.518.678
▪ Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo	-	-	-	7.831
<b>Các bên liên quan khác</b>				
▪ Công ty TNHH Masan Master Brewery Company Limited (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka)	-	475.200	-	475.200
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	16.038	-	16.038	-
	<b>16.038</b>	<b>475.200</b>	<b>221.836.297</b>	<b>1.915.840.759</b>

Các khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

## 21. Thuế phải nộp Nhà nước

### (a) Thuế phải nộp Nhà nước

<u>Tập đoàn</u>	1/1/2015 VND'000	Mua công ty con VND'000	Phát sinh VND'000	Nộp/hoàn lại VND'000	Cần trừ VND'000	30/6/2015 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	78.676.854	576.097	565.295.946	(217.484.349)	(375.743.158)	51.321.390
Thuế xuất nhập khẩu	7.457.378	-	769.450	(8.168.688)	-	58.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp	735.591.747	256.492	232.518.492	(831.532.737)	(2.105.547)	134.728.447
Thuế thu nhập cá nhân	4.301.813	53.057	31.045.766	(31.184.571)	(391.032)	3.825.033
Các loại thuế khác	928.303	-	6.389.366	(6.198.852)	-	1.118.817
	<b>826.956.095</b>	<b>885.646</b>	<b>836.019.020</b>	<b>(1.094.569.197)</b>	<b>(378.239.737)</b>	<b>191.051.827</b>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<u>Công ty</u>	1/1/2015 VND'000	Phát sinh VND'000	Nộp/hoàn lại VND'000	30/6/2015 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	13.996.169	15.742.081	(14.509.417)	15.228.833
Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.126.150	104.164.115	(397.300.336)	56.989.929
Thuế thu nhập cá nhân	3.439.210	25.012.626	(25.233.249)	3.218.587
	367.561.529	144.918.822	(437.043.002)	75.437.349

(b) Thuế phải thu Nhà nước

<u>Tập đoàn</u>	1/1/2015 VND'000	Phát sinh VND'000	Cần trừ VND'000	30/6/2015 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.105.547	-	(2.105.547)	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.850	657.044	(391.032)	278.862
Các loại thuế khác	2.512	164.136	-	166.648
	2.120.909	821.180	(2.496.579)	445.510

22. Chi phí phải trả – ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	387.490.058	445.122.084	224.268.146	27.406.194
Chi phí kho vận	123.550.203	101.783.323	91.686.278	67.108.544
Chi phí trung bày	48.805.187	25.511.040	38.106.555	10.764.274
Thường và lương tháng 13	45.692.118	91.192.556	20.550.853	47.598.240
Chiết khấu bán hàng	33.369.283	70.621.800	23.026.538	41.670.433
Chi phí nghiên cứu thị trường	20.784.761	15.193.484	10.388.088	5.387.936
Chi phí lãi vay	56.694.844	62.705.382	1.339.108	1.661.932
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.060.379	24.222.794	-	11.793.531
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	70.535.676	10.401.483	7.233.800	1.104.040
Dịch vụ IT	26.684.560	-	26.684.560	-
Chi phí khác	53.042.166	48.489.526	8.348.070	8.592.270
	877.709.235	895.243.472	451.631.996	223.087.394

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 23. Các khoản phải trả khác

### (a) Phải trả khác – ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Chi phí lãi vay phải trả cho một công ty con	-	-	300.731.790	-
Cổ tức phải trả	60.831.241	2.601.221	59.928.486	1.698.466
Mua cổ phiếu của công ty liên kết	-	239.180.200	-	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	9.201.123	5.688.550	5.199.674	3.948.023
Ký quỹ ngắn hạn	830.000	780.000	-	-
Các khoản phải trả khác	17.655.087	1.336.275	16.959.698	584.259
	<b>88.517.451</b>	<b>249.586.246</b>	<b>382.819.648</b>	<b>6.230.748</b>

Các khoản phải trả phi thương mại đối với công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

### (b) Phải trả khác – dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Lãi tiền gửi phải trả cho một công ty con	-	-	-	135.132.041
Ký quỹ dài hạn	26.222.730	24.297.318	-	-
	<b>26.222.730</b>	<b>24.297.318</b>	<b>-</b>	<b>135.132.041</b>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 24. Vay

### (a) Vay ngắn hạn

<u>Tập đoàn</u>	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Vay ngắn hạn	4.255.257.299	4.255.257.299	6.620.948.965	(7.227.192.632)	3.649.013.632	3.649.013.632
Vay dài hạn đến hạn trả	130.770.964	130.770.964	97.370.964	(130.770.964)	97.370.964	97.370.964
	4.386.028.263	4.386.028.263	6.718.319.929	(7.357.963.596)	3.746.384.596	3.746.384.596

  

<u>Công ty</u>	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Vay ngắn hạn	2.247.511.608	2.247.511.608	4.085.585.313	(3.885.616.091)	2.447.480.830	2.447.480.830
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	2.635.062.072	-	2.635.062.072	2.635.062.072
	2.247.511.608	2.247.511.608	6.720.647.385	(3.885.616.091)	5.082.542.902	5.082.542.902

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San**  
**và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ti2015i đ)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
<b>Vay ngắn hạn</b>						
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	3,8% - 4,6%	976.786.228	3.327.029.422	-	1.994.781.608
▪ Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3,8% - 5,6%	2.628.527.404	885.497.877	2.403.780.830	210.000.000
▪ Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	3,2%	43.700.000	42.730.000	43.700.000	42.730.000
			3.649.013.632	4.255.257.299	2.447.480.830	2.247.511.608

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho với số tiền là 400.032 triệu VND (1/1/2015: đảm bảo bằng một số khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 18 triệu USD, tương đương 384.570 triệu VND) (Thuyết minh 12), các tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 1.403.410 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 885.297 triệu VND) (Thuyết minh 14 và 15). Một phần các tài sản cố định này với giá trị ghi sổ là 1.371.784 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 853.081 triệu VND) cũng được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn và do đó cũng bao gồm trong giá trị tài sản đảm bảo được trình bày trong Thuyết minh 24(b).

**(b) Vay dài hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Vay dài hạn	4.136.405.604	4.015.512.496	2.635.062.072	2.874.312.072
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(97.370.964)	(130.770.964)	(2.635.062.072)	-
Hoàn trả sau 12 tháng	4.039.034.640	3.884.741.532	-	2.874.312.072

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty	
				30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
<b>Vay dài hạn</b>							
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	6,9% - 11%	2015-2017	312.655.604	276.637.496	-	-
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	Libor + 3,5% - Libor + 4,5%	2016	3.823.750.000	3.738.875.000	-	-
▪ Khoản vay không có đảm bảo	VND	12%	2016	-	-	2.635.062.072	2.874.312.072
				4.136.405.604	4.015.512.496	2.635.062.072	2.874.312.072

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn có gốc tiền tệ bằng VND với số tiền là 312.656 triệu VND (1/1/2015: 276.637 triệu VND) được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 1.371.784 triệu VND (1/1/2015: 853.081 triệu VND) (Thuyết minh 24(a)), chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 39.632 triệu VND (1/1/2015: Không) (Thuyết minh 16) và tiền thuê đất trả trước có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 23.106 triệu VND (1/1/2015: Không) (Thuyết minh 17).

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo của Tập đoàn có gốc tiền tệ bằng USD với số tiền là 175 triệu USD, tương đương 3.823.750 triệu VND (1/1/2015: 175 triệu USD, tương đương 3.738.875 triệu VND), được đảm bảo bằng các khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San”) và Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage với giá trị ghi sổ là 3.469.100 triệu VND (1/1/2015: 1.709.804 triệu VND) (Thuyết minh 8(b)). Trong đó 150 triệu USD, tương đương với 3.277.500 triệu VND được đảm bảo bởi Multilateral Investment Guarantee Agency (“MIGA”), một thành viên của Ngân hàng Thế giới (1/1/2015: khoản vay 150 triệu USD, tương đương 3.204.750 triệu VND). Khoản vay 150 triệu USD và 25 triệu USD chịu lãi suất năm lần lượt là LIBOR cộng 3,5% và LIBOR cộng 4,5%, nếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San”), công ty mẹ của công ty mẹ, nếu không thì chịu lãi suất năm lần lượt là LIBOR cộng 4,5% và LIBOR cộng 5,5%. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả một lần vào ngày đáo hạn hợp đồng, là ngày 15 tháng 8 năm 2016. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, các khoản vay này đã được trả trước hạn. Xem thêm thông tin trong Thuyết minh 39 – Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ.

Khoản vay không đảm bảo của Công ty có gốc tiền tệ bằng VND với số tiền 2.635.062 triệu VND (1/1/2015: 2.874.312 triệu VND) là khoản Công ty vay từ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, một công ty con. Khoản vay này chịu lãi suất trong kỳ là 12% (2014: 12%) một năm và đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2016. Khoản lãi được hoàn trả vào ngày đáo hạn của thỏa thuận vay.

Trong kỳ, Tập đoàn và Công ty đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn và Công ty không có khoản nợ gốc và lãi quá hạn nào.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 5. Thay đổi vốn chủ sở hữu

<u>Tập đoàn</u>	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Vốn khác của chủ sở hữu VND'000	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND'000 Phân loại lại	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	5.273.359.100	5.088.056.395	(238.608.966)	22.731.973	5.799.402.320	2.075.277.544	18.020.218.366
Phát hành cổ phiếu	39.904.120	-	-	-	-	-	39.904.120
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.287.633.626	60.410.257	1.348.043.883
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(5.800.225.877)	(14.925.869)	(5.815.151.746)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.878.488)	(9.781.764)	(22.660.252)
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	(2.562.259)	(2.253.741)	(4.816.000)
Góp vốn vào một công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	7.189.440	7.189.440
Thanh lý cổ phần trong công ty con	-	-	(32.295.333)	-	-	(1.092.644.680)	(1.124.940.013)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>5.313.263.220</b>	<b>5.088.056.395</b>	<b>(270.904.299)</b>	<b>22.731.973</b>	<b>1.271.369.322</b>	<b>1.023.271.187</b>	<b>12.447.787.798</b>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<u>Tập đoàn</u>	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Vốn khác của chủ sở hữu VND'000	Cổ phiếu quỹ VND'000	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND'000 Phân loại lại	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND'000	Tổng cộng VND'000
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	5.313.263.220	5.088.056.395	(265.775.657)	(1.640.252.631)	22.731.973	3.245.457.981	1.128.253.921	12.891.735.202
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.224.359.140	(10.258.665)	1.214.100.475
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(3.079.957.932)	-	(3.079.957.932)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.452.567)	-	(1.452.567)
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	-	(830.686)	(730.664)	(1.561.350)
Lợi ích cổ đồng không kiểm soát tại ngày mua lại	-	-	-	-	-	-	137	137
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>5.313.263.220</b>	<b>5.088.056.395</b>	<b>(265.775.657)</b>	<b>(1.640.252.631)</b>	<b>22.731.973</b>	<b>1.387.575.936</b>	<b>1.117.264.729</b>	<b>11.022.863.965</b>

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo hướng dẫn của Thông tư 200, doanh nghiệp không cần phải trích lập quỹ dự phòng tài chính. Số dư quỹ dự phòng tài chính được kết chuyển sang quỹ đầu tư phát triển. Số dư quỹ dự phòng tài chính tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là 4.407 triệu VND đã được kết chuyển sang quỹ đầu tư phát triển để phù hợp với quy định của Thông tư 200. So sánh số liệu báo cáo trước đây và phân loại lại được trình bày ở Thuyết minh 41.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<u>Công ty</u>	<u>Vốn cổ phần VND'000</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần VND'000</u>	<u>Cổ phiếu quỹ VND'000</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000</u>	<u>Tổng cộng VND'000</u>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	5.273.359.100	5.088.056.395	-	5.712.797.911	16.074.213.406
Phát hành cổ phiếu	39.904.120	-	-	-	39.904.120
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.317.109)	(1.317.109)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(5.800.225.877)	(5.800.225.877)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	570.532.430	570.532.430
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>5.313.263.220</b>	<b>5.088.056.395</b>	<b>-</b>	<b>481.787.355</b>	<b>10.883.106.970</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	<b>5.313.263.220</b>	<b>5.088.056.395</b>	<b>(1.640.252.631)</b>	<b>2.740.561.072</b>	<b>11.501.628.056</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	599.012.227	599.012.227
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.452.567)	(1.452.567)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(3.079.957.932)	(3.079.957.932)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>5.313.263.220</b>	<b>5.088.056.395</b>	<b>(1.640.252.631)</b>	<b>258.162.800</b>	<b>9.019.229.784</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	531.326.322	5.313.263.220	531.326.322	5.313.263.220
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631	18.000.000	1.640.252.631
<b>Vốn cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	513.326.322	5.133.263.220	513.326.322	5.133.263.220
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	5.088.056.395	-	5.088.056.395

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015		Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND'000	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND'000
Số dư đầu kỳ - hiện đang lưu hành	513.326.322	5.133.263.220	527.335.910	5.273.359.100
Cổ phiếu đã phát hành trong kỳ	-	-	3.990.412	39.904.120
<b>Số dư cuối kỳ - hiện đang lưu hành</b>	<b>513.326.322</b>	<b>5.133.263.220</b>	<b>531.326.322</b>	<b>5.313.263.220</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Cổ tức**

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2015 đã quyết định chia và tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 3.079.958 triệu VND (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên của Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2014 đã quyết định chia và tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 5.800.226 triệu VND).

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Trong vòng một năm	104.421.449	53.592.519	79.573.801	38.299.858
Trong vòng hai đến năm năm	177.790.227	41.056.620	162.131.650	37.290.343
Trên năm năm	600.000	-	600.000	-
	<u>282.811.676</u>	<u>94.649.139</u>	<u>242.305.451</u>	<u>75.590.201</u>

**(b) Ngoại tệ các loại**

<u>Tập đoàn</u>	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	5.677.226	123.652.925	5.862.492	125.252.142
EUR	13.877	325.509	179.149	4.604.481
		<u>123.978.434</u>		<u>129.856.623</u>
<u>Công ty</u>	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	147.615	3.225.171	868	18.537

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>	<u>30/6/2015</u>	<u>1/1/2015</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	404.992.044	1.805.749.181	1.083.817	1.427.862.296
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	744.208.937	356.120.776	85.500.000	65.387.607
	<u>1.149.200.981</u>	<u>2.161.869.957</u>	<u>86.583.817</u>	<u>1.493.249.903</u>

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015</u>	<u>30/6/2014</u>	<u>Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015</u>	<u>30/6/2014</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
		<b>Phân loại lại</b>		
Tổng doanh thu				
▪ Bán hàng hóa	5.628.123.791	5.713.844.114	4.449.998.533	4.376.180.392
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	32.183.475	96.273.511	15.339.061	84.000.000
	<u>5.660.307.266</u>	<u>5.810.117.625</u>	<u>4.465.337.594</u>	<u>4.460.180.392</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
▪ Chiết khấu thương mại	(43.894.223)	(79.787.131)	(15.319.056)	(43.486.010)
▪ Hàng bán bị trả lại	(30.923.681)	(24.495.979)	(11.445.822)	(21.230.613)
	<u>(74.817.904)</u>	<u>(104.283.110)</u>	<u>(26.764.878)</u>	<u>(64.716.623)</u>
Doanh thu thuần	<u>5.585.489.362</u>	<u>5.705.834.515</u>	<u>4.438.572.716</u>	<u>4.395.463.769</u>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Giá vốn hàng bán**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc		Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
	<b>Phân loại lại</b>			
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Hàng hóa đã bán	3.068.405.802	3.237.469.405	3.599.058.305	3.933.890.308
▪ Dịch vụ đã cung cấp	19.861.117	4.076.800	14.327.809	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	51.598.584	31.118.766	-	249.776
	<b>3.139.865.503</b>	<b>3.272.664.971</b>	<b>3.613.386.114</b>	<b>3.934.140.084</b>

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc		Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	125.856.661	196.319.581	69.938.084	138.382.329
Thu nhập lãi và phí duy trì khoản vay từ khoản cho các bên liên quan vay	533.086.759	650.858.441	535.320.089	651.999.605
Thu nhập lãi từ hoạt động đầu tư cho vay khác	13.084.678	-	13.084.678	-
Thu nhập liên quan từ thanh lý công ty con cho công ty mẹ của công ty mẹ	-	141.548.525	-	141.548.525
Thu nhập cổ tức từ các công ty con	-	-	442.257.014	16.969.093
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.466.869	861.438	147.431	134.538
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	4.047.670	17.282.651	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	250.247	-	-
	<b>680.542.637</b>	<b>1.007.120.883</b>	<b>1.060.747.296</b>	<b>949.034.090</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc		Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	145.960.594	200.797.229	38.307.638	26.546.018
Chi phí lãi vay và phí duy trì khoản vay từ các công ty liên quan	-	1.123	153.843.309	188.558.649
Thuế nhà thầu trên chi phí lãi vay và phí gia hạn khoản vay	8.142.455	7.481.257	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	91.063.048	47.617.066	852.819	23.512
Lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	8.857.155	37.015.579	-	-
Chi phí tài chính khác	-	335.480	-	263.356
	254.023.252	293.247.734	193.003.766	215.391.535

**33. Chi phí bán hàng**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc		Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
	<b>Phân loại lại</b>			
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	583.295.444	687.677.864	505.452.223	5.862.857
Chi phí kho vận	321.828.875	312.770.545	239.795.219	243.094.615
Chi phí nhân viên	123.599.157	131.393.535	72.824.089	91.409.343
Chi phí trung bày	43.433.712	67.910.921	30.500.166	23.147.500
Chi phí nghiên cứu thị trường	13.632.632	28.427.025	6.608.142	2.745.290
Chi phí bán hàng khác	33.655.400	34.231.531	28.442.792	19.186.731
	1.119.445.220	1.262.411.421	883.622.631	385.446.336



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc		Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	104.527.747	114.116.844	57.412.941	76.535.150
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	81.746.506	86.596.370	-	-
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ IT	53.803.445	6.091.349	53.803.445	6.091.349
Phân bổ lợi thế thương mại	33.513.734	26.047.244	-	-
Tiền thuê văn phòng	14.375.999	11.056.920	14.375.999	11.056.920
Chi phí nghiên cứu và phát triển	10.286.646	16.251.316	5.695.494	1.062.703
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản cố định	9.828.395	7.562.252	2.904.268	2.063.212
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	40.879.416	41.627.587	21.598.002	15.593.508
	<b>348.961.888</b>	<b>309.349.882</b>	<b>155.790.149</b>	<b>112.402.842</b>

**35. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc		Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>				
Kỳ hiện hành	232.521.789	335.963.611	104.164.115	58.769.111
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	(3.297)	1.287.220	-	-
	<b>232.518.492</b>	<b>337.250.831</b>	<b>104.164.115</b>	<b>58.769.111</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Phát sinh và hoãn nhập các chênh lệch tạm thời	(49.494.422)	3.744.403	(57.544.619)	91.041.806
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	11.915.244	(39.967.246)	8.443.202	(22.828.210)
	<b>(37.579.178)</b>	<b>(36.222.843)</b>	<b>(49.101.417)</b>	<b>68.213.596</b>
Chi phí thuế thu nhập	<b>194.939.314</b>	<b>301.027.988</b>	<b>55.062.698</b>	<b>126.982.707</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

<u>Tập đoàn</u>	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015		Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014	
	%	VND'000	%	VND'000
Lợi nhuận trước thuế		1.409.039.789		1.649.071.871
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	309.988.754	22,00%	362.795.812
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(9,85%)	(138.791.325)	(1,66%)	(27.451.046)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(0,10%)	(1.452.535)	(0,98%)	(16.193.852)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại và giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	0,90%	12.723.074	0,54%	8.904.024
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,02%	264.460	0,71%	11.653.076
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những kỳ trước	0,00%	(3.297)	0,08%	1.287.220
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	0,85%	11.915.244	(2,42%)	(39.967.246)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	0,02%	294.939	0,00%	-
	13,83%	194.939.314	18,25%	301.027.988
<u>Công ty</u>				
Lợi nhuận trước thuế (*)		654.074.925		697.515.137
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	143.896.484	22,00%	153.453.330
Thu nhập không bị tính thuế	(14,88%)	(97.296.543)	(0,54%)	(3.733.200)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,00%	19.555	0,01%	90.787
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	1,29%	8.443.202	(3,27%)	(22.828.210)
	8,42%	55.062.698	18,21%	126.982.707

(\*) Lợi nhuận trước thuế của Công ty bao gồm khoản thu nhập từ cổ tức không chịu thuế là 442.257 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 16.969 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế cho năm 2014 và 2015, và 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi, và miễn, giảm thuế khác nhau.

**(d) Các khoản thuế tiềm ẩn**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

**36. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, là 1.224.359 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 1.287.634 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền là 513.326.322 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 527.734.951 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.224.359.140	1.287.633.626

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ - hiện đang lưu hành	513.326.322	527.335.910
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong kỳ	-	399.041
	<hr/>	<hr/>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối kỳ - hiện đang lưu hành	513.326.322	527.734.951

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND</b>	<b>30/6/2014 VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.385	2.440

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tập đoàn không có cổ phiếu bị suy giảm tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (30/6/2014: Không).

**37. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Tập đoàn và Công ty phải đối mặt với các rủi ro sau phát sinh từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn và Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn và Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn và Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn và Công ty gặp phải.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn và Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn và Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn và Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn và Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn và Công ty. Tập đoàn và Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Tập đoàn và Công ty nếu một khách hàng hoặc một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và phải thu về cho vay của Tập đoàn và Công ty.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
		Phân loại lại		Phân loại lại
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i) 5.978.308.960	3.594.688.653	4.862.906.894	1.647.232.772
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(i) 1.870.850.000	3.717.598.214	212.700.000	2.337.900.000
Phải thu của khách hàng	(ii) 561.728.235	772.263.901	95.968.811	220.365.545
Phải thu ngắn hạn khác	(ii) 40.502.632	65.131.312	373.548.820	2.098.425.062
Phải thu về cho vay dài hạn	(ii) 5.729.614.068	9.619.772.870	5.779.614.068	9.669.772.870
Phải thu dài hạn khác	(ii) 13.129.828	23.688.060	18.605.975	26.958.027
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(i) -	144.050.000	-	143.300.000
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(iii) 100.000.000	65.883.800	785.504.924	1.398.131.614
	14.294.133.723	18.003.076.810	12.128.849.492	17.542.085.890

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn và dài hạn**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn và Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn và Công ty.

**(ii) Phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay dài hạn, phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

Phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay dài hạn, phải thu ngắn hạn và dài hạn khác của Tập đoàn và Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu liên quan, cổ tức phải thu và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Rủi ro tín dụng liên quan đến khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn và Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn và Công ty thường giao dịch với khách hàng theo phương thức thanh toán tiền ngay khi giao hàng. Đối với những trường hợp khách hàng được mua trả chậm, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản tín dụng. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Công ty và Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Rủi ro tín dụng mà Tập đoàn và Công ty phải chịu liên quan đến các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu từ các bên liên quan và cổ tức phải thu được xem là tương đối nhỏ do lịch sử thu hồi các khoản phải thu của Tập đoàn và Công ty nằm trong giới hạn thời gian có thể chấp nhận được. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn và Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Tập đoàn và Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Tập đoàn và Công ty cũng chịu rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản cho vay dài hạn và các khoản thu nhập lãi phải thu liên quan, đây cũng được xem là một phần của hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn nhằm tối đa hóa thu nhập hoạt động tài chính của các tài sản có tính thanh khoản. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, các khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp và bảo lãnh tài chính đồng thời Ban Giám đốc cũng thường xuyên giám sát hoạt động của bên bảo lãnh, bên đi vay và tình trạng của các tài sản thế chấp.

Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015. Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và phải thu về cho vay tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Trong hạn	6.308.030.578	10.436.758.987	6.242.200.822	11.989.132.065
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	33.924.309	36.888.772	25.249.429	23.114.244
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.907.341	6.901.741	287.423	3.275.195
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	601.789	306.643	-	-
Quá hạn trên 365 ngày	510.746	-	-	-
	<b>6.344.974.763</b>	<b>10.480.856.143</b>	<b>6.267.737.674</b>	<b>12.015.521.504</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>		<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Số dư đầu kỳ	2.063.748	1.783.765	-	-
Tăng dự phòng trong kỳ	-	479.615	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(52.043)	-	-	-
Hoàn nhập	(384.149)	(70.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>1.627.556</b>	<b>2.193.380</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**(iii) Hợp đồng bảo lãnh**

Các hợp đồng bảo lãnh tài chính do Tập đoàn phát hành cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một Thành viên Bao Bì Minh Việt (“MVP”), một bên thứ ba, và các công ty con của Công ty bao gồm Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD”). Rủi ro này phân ánh khoản lỗ sẽ được ghi nhận khi các bên đi vay mất khả năng thanh toán với bên cho vay. Để giảm thiểu rủi ro, Ban Giám đốc thường xuyên giám sát hoạt động của các công ty này.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn và Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn và Công ty.

Tập đoàn và Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tập đoàn</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND'000</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND'000</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND'000</b>	<b>1 – 2 năm VND'000</b>	<b>2 – 5 năm VND'000</b>	<b>Hơn 5 năm VND'000</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>						
Phải trả người bán	628.923.450	628.923.450	628.923.450	-	-	-
Phải trả người lao động	48.199.974	48.199.974	48.199.974	-	-	-
Chi phí phải trả	877.709.235	877.709.235	877.709.235	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	87.687.451	87.687.451	87.687.451	-	-	-
Vay ngắn hạn	3.649.013.632	3.693.504.753	3.693.504.753	-	-	-
Phải trả người bán dài hạn	66.662.868	66.662.868	-	8.169.924	14.623.236	43.869.708
Vay dài hạn	4.136.405.604	4.610.535.657	371.492.787	4.090.887.352	148.155.518	-
	<b>9.494.602.214</b>	<b>10.013.223.388</b>	<b>5.707.517.650</b>	<b>4.099.057.276</b>	<b>162.778.754</b>	<b>43.869.708</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>						
Phải trả người bán	550.485.687	550.485.687	550.485.687	-	-	-
Phải trả người lao động	252.649	252.649	252.649	-	-	-
Chi phí phải trả	895.243.472	895.243.472	895.243.472	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	248.806.246	248.806.246	248.806.246	-	-	-
Vay ngắn hạn	4.255.257.299	4.279.475.480	4.279.475.480	-	-	-
Vay dài hạn	4.015.512.496	4.560.683.962	333.912.062	4.108.261.630	118.510.270	-
	<b>9.965.557.849</b>	<b>10.534.947.496</b>	<b>6.308.175.596</b>	<b>4.108.261.630</b>	<b>118.510.270</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<b>Công ty</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND'000</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND'000</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND'000</b>	<b>1 – 2 năm VND'000</b>	<b>2 – 5 năm VND'000</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
Phải trả người bán	308.897.878	308.897.878	308.897.878	-	-
Phải trả người lao động	23.199.329	23.199.329	23.199.329	-	-
Chi phí phải trả	451.631.996	451.631.996	451.631.996	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	382.819.648	382.819.648	382.819.648	-	-
Vay ngắn hạn	2.447.480.830	2.481.371.931	2.481.371.931	-	-
Vay dài hạn	2.635.062.072	2.926.146.189	2.926.146.189	-	-
	<b>6.249.091.753</b>	<b>6.574.066.971</b>	<b>6.574.066.971</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>					
Phải trả người bán	2.028.927.617	2.028.927.617	2.028.927.617	-	-
Phải trả người lao động	13.693	13.693	13.693	-	-
Chi phí phải trả	223.087.394	223.087.394	223.087.394	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	6.230.748	6.230.748	6.230.748	-	-
Vay ngắn hạn	2.247.511.608	2.260.222.787	2.260.222.787	-	-
Phải trả dài hạn khác	135.132.041	135.132.041	-	135.132.041	-
Vay dài hạn	2.874.312.072	3.362.866.376	344.917.449	3.017.948.927	-
	<b>7.515.215.173</b>	<b>8.016.480.656</b>	<b>4.863.399.688</b>	<b>3.153.080.968</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn và Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của các đơn vị của Tập đoàn và Công ty là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và đồng Euro (EUR).

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả tiền tệ có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo mức rủi ro tiền tệ thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tập đoàn và Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

30/6/2015	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	EUR	USD	EUR	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.877	5.677.226	-	147.615
Phải thu của khách hàng	-	951.935	-	25.244
Phải trả người bán	(872.741)	(942.431)	(6.060)	(204.008)
Chi phí phải trả	-	(2.438.134)	-	-
Vay ngắn hạn	-	(2.000.000)	-	(2.000.000)
Phải trả dài hạn khác	-	(5.200)	-	-
Vay dài hạn	-	(175.000.000)	-	-
	(858.864)	(173.756.604)	(6.060)	(2.031.149)
1/1/2015	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	EUR	USD	EUR	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	179.149	5.862.492	-	868
Phải thu của khách hàng	-	973.434	-	-
Phải trả người bán	(2.997.203)	(1.854.680)	-	(9.313)
Chi phí phải trả	-	(2.631.637)	-	-
Vay ngắn hạn	-	(2.000.000)	-	(2.000.000)
Vay dài hạn	-	(175.000.000)	-	-
	(2.818.054)	(174.650.391)	-	(2.008.445)

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn và Công ty áp dụng:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
1 USD	21.850	21.365	21.850	21.365
1 EUR	24.662	25.702	24.662	N/A

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế</b>	
	<b>Tập đoàn</b>	<b>Công ty</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>		
USD (mạnh thêm 2% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	(65.430.291)	(692.337)
EUR (yếu đi 4% so với VND) – tăng lợi nhuận thuần sau thuế	730.077	4.663
	<b>(64.700.214)</b>	<b>(687.674)</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>		
USD (mạnh thêm 1% so với VND) – giảm lợi nhuận thuần sau thuế	(30.765.439)	(334.701)
EUR (yếu đi 11% so với VND) – tăng lợi nhuận thuần sau thuế	6.569.005	-
	<b>(24.196.434)</b>	<b>(334.701)</b>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và Công ty.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tập đoàn và Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn và Công ty như sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>				
Các khoản tương đương tiền	5.799.602.727	3.400.035.142	4.829.500.000	1.634.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.870.850.000	3.717.598.214	212.700.000	2.337.900.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	144.050.000	-	143.300.000
Phải thu về cho vay dài hạn	5.729.614.068	9.619.772.870	5.779.614.068	9.669.772.870
Phí duy trì khoản vay và lãi dự thu từ công ty mẹ – dài hạn	-	18.975.990	-	18.975.990
Vay ngắn hạn	(1.841.857.992)	(3.529.014.071)	(748.415.658)	(2.247.511.608)
Vay dài hạn	(90.000.000)	-	(2.635.062.072)	(2.874.312.072)
	<b>11.468.208.803</b>	<b>13.371.418.145</b>	<b>7.438.336.338</b>	<b>8.682.625.180</b>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>				
Tiền gửi ngân hàng	178.706.233	194.653.511	33.406.894	12.732.772
Vay ngắn hạn	(1.807.155.640)	(726.243.228)	(1.699.065.172)	-
Vay dài hạn	(4.046.405.604)	(4.015.512.496)	-	-
	<b>(5.674.855.011)</b>	<b>(4.547.102.213)</b>	<b>(1.665.658.278)</b>	<b>12.732.772</b>

**Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi**

Việc tăng 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và Công ty lần lượt là 24.450 triệu VND và 6.496 triệu VND (1/1/2015: giảm lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và tăng lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty lần lượt là 37.491 triệu VND và 99 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Giá trị hợp lý**

**(i) Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

<u>Tập đoàn</u>	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
<b>Tài sản tài chính</b>		<b>Phân loại lại</b>
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng (*)	178.706.233	194.653.511
▪ Các khoản tương đương tiền (*)	5.799.602.727	3.400.035.142
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (*)	1.870.850.000	3.717.598.214
▪ Phải thu của khách hàng (*)	561.728.235	772.263.901
▪ Phải thu ngắn hạn khác (*)	40.502.632	65.131.312
▪ Phải thu dài hạn khác (*)	13.129.828	23.688.060
▪ Phải thu về cho vay dài hạn (*)	5.729.614.068	9.619.772.870
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (*)	-	144.050.000
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>		
▪ Hợp đồng bảo lãnh tài chính nhận được (**)	-	-
	<hr/>	<hr/>
	14.194.133.723	17.937.193.010
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán (*)	(628.923.450)	(550.485.687)
▪ Phải trả người lao động (*)	(48.199.974)	(252.649)
▪ Chi phí phải trả (*)	(877.709.235)	(895.243.472)
▪ Phải trả ngắn hạn khác (*)	(87.687.451)	(248.806.246)
▪ Vay ngắn hạn (*)	(3.649.013.632)	(4.255.257.299)
▪ Phải trả người bán dài hạn (*)	(66.662.868)	-
▪ Vay dài hạn (*)	(4.136.405.604)	(4.015.512.496)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>		
▪ Hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành (**)	-	-
	<hr/>	<hr/>
	(9.494.602.214)	(9.965.557.849)

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Công ty**

**Giá trị ghi sổ**  
**30/6/2015**                      **1/1/2015**  
**VND'000**                      **VND'000**  
**Phân loại lại**

**Tài sản tài chính**

*Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:*

▪ Tiền gửi ngân hàng	(*)	33.406.894	12.732.772
▪ Các khoản tương đương tiền	(*)	4.829.500.000	1.634.500.000
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(*)	212.700.000	2.337.900.000
▪ Phải thu của khách hàng	(*)	95.968.811	220.365.545
▪ Phải thu ngắn hạn khác	(*)	373.548.820	2.098.425.062
▪ Phải thu dài hạn khác	(*)	18.605.975	26.958.027
▪ Phải thu về cho vay dài hạn	(*)	5.779.614.068	9.669.772.870
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(*)	-	143.300.000
		<hr/>	<hr/>
		11.343.344.568	16.143.954.276

**Nợ phải trả tài chính**

*Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

▪ Phải trả người bán	(*)	(308.897.878)	(2.028.927.617)
▪ Phải trả người lao động	(*)	(23.199.329)	(13.693)
▪ Chi phí phải trả	(*)	(451.631.996)	(223.087.394)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(*)	(382.819.648)	(6.230.748)
▪ Vay ngắn hạn	(*)	(2.447.480.830)	(2.247.511.608)
▪ Phải trả dài hạn khác	(*)	-	(135.132.041)
▪ Vay dài hạn	(*)	(2.635.062.072)	(2.874.312.072)

*Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

▪ Hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành	(**)	-	-
		<hr/>	<hr/>
		(6.249.091.753)	(7.515.215.173)

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (\*) Tập đoàn và Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.
- (\*\*) Các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã nhận được và phát hành được phân loại là tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng chưa được ghi nhận trong các báo cáo tài chính giữa niên độ. Giá trị hợp lý của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã nhận được và phát hành chưa được xác định bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam doanh nghiệp hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

<u>Tập đoàn</u>	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
			Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
	<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>					
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San”)	Thu nhập lãi phải thu từ các khoản cho vay	-	220.086.980	-	-
		Phí duy trì khoản cho vay phải thu	-	2.894.240	-	-
		Thu nhập lãi tiền gửi phải trả	-	1.123	-	-
		Khoản cho vay đã cấp	-	735.000.000	-	-
		Thu nhập liên quan từ thanh lý một công ty con	-	141.548.525	-	-
		Thu từ thanh lý một công ty con	-	1.104.947.070	-	-
		Cổ tức đã công bố	-	1.240.800.000	-	-
		Tiền thu hồi các khoản cho vay thông qua cản trừ với cổ tức phải trả	-	1.435.701.850	-	-
		Tiền thu hồi các khoản cho vay, thu nhập từ cho vay và phí duy trì các khoản vay thông qua việc chuyển nhượng các khoản vay cho Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings	-	10.540.923.173	-	-
	<b>Công ty mẹ</b>					
	Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings	Khoản cho vay đã cấp	-	10.540.923.173	-	9.619.772.870
		Thu hồi khoản cho vay	9.619.772.870	672.827.396	-	-
		Thu nhập lãi từ khoản cho vay	533.086.759	427.877.221	-	18.975.990
		Thu hồi thu nhập lãi từ khoản cho vay	552.062.749	-	-	-
		Cổ tức đã công bố	2.413.111.542	3.269.521.981	-	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tập đoàn</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>		<b>Phải thu/(phải trả) tại ngày</b>	
			<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
			<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Các công ty liên quan khác</b>						
	Công ty TNHH Masan Master Brewery (trước đây là “ Công ty TNHH Một Thành viên Lamka”)	Phí chuyển nhượng thương hiệu Bán hàng hóa Mua hàng hóa	- 431.885 133.964	- - -	- 172.684 -	1.100.000 - (475.200)
	Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery PY (trước đây là “Công ty Cổ phần Bía và Nước Giải Khát Phú Yên”)	Bán hương liệu và phí trộn hương liệu Bán tài sản cố định Chi phí phải thu	20.483 45.000 95.349	- - -	110.000 - 95.349	976.855 - -
	Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa	14.580	-	(16.038)	-
	Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery HG	Chi phí phải thu	1.847.018	-	1.847.018	-
	Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc	Thu nhập cổ tức	-	80.000.000	-	-
	<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>	Thù lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (*)	15.449.909	7.321.169	-	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<u>Công ty</u>	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>				
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b> Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San”)	Thu nhập lãi phải thu từ các khoản cho vay	-	220.086.980	-	-
	Phí duy trì khoản cho vay phải thu	-	2.894.240	-	-
	Thu nhập lãi tiền gửi phải trả	-	1.123	-	-
	Khoản cho vay đã cấp	-	735.000.000	-	-
	Thu nhập liên quan từ thanh lý một công ty con	-	141.548.525	-	-
	Thu từ thanh lý một công ty con	-	1.104.947.070	-	-
	Cổ tức đã công bố	-	1.240.800.000	-	-
	Tiền thu hồi khoản cho vay thông qua cần trừ với cổ tức phải trả	-	1.435.701.850	-	-
	Tiền thu hồi các khoản cho vay, thu nhập từ cho vay và phí duy trì các khoản vay thông qua việc chuyển nhượng các khoản vay cho Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings	-	10.540.923.173	-	-
<b>Công ty mẹ</b> Công ty TNHH Một Thành viên MasanConsumerHoldings	Khoản cho vay đã cấp	-	10.540.923.173	-	9.619.772.870
	Thu hồi khoản cho vay	9.619.772.870	672.827.396	-	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay	533.086.759	427.877.221	-	18.975.990
	Thu hồi thu nhập lãi từ khoản cho vay	552.062.749	-	-	-
	Cổ tức đã công bố	2.413.111.542	3.269.521.981	-	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<u>Công ty</u>	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000	30/6/2014 VND'000	30/6/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
<b>Các công ty con</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San”)	Tạm ứng lợi nhuận (**)	442.257.014	-	-	210.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San	Bán hương liệu và phí trộn hương liệu	136.279.345	141.386.680	-	-
	Bán phế liệu	1.791.129	-	-	-
	Mua hàng hóa	2.402.039.747	2.477.347.633	(62.849.233)	(962.560.656)
	Mua phế liệu	3.751.631	-	-	-
	Bán tài sản cố định	-	359.858	-	-
	Phí duy trì khoản vay	-	30.626.348	-	-
	Chi phí lãi vay	165.599.749	157.931.178	(300.731.790)	(135.132.041)
	Khoản cho vay đã nhận	-	-	(2.635.062.072)	(2.874.312.072)
	Thanh toán khoản cho vay	239.250.000	-	-	-
	Thu nhập lãi phải thu	-	25.420	-	-
	Tạm ứng lợi nhuận (**)	-	-	183.131.884	1.154.782.800
	Chi phí phải trả	12.138	-	(12.138)	-
	Chi phí phải thu	52.086.460	-	52.086.460	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Mua hàng hóa	383.547.645	590.676.213	(154.296.642)	(510.278.394)
	Mua phế liệu	477.452	-	-	-
	Bán hương liệu và phí trộn hương liệu	11.819.632	11.156.491	-	-
	Bán phế liệu	26.955	-	-	-
	Tạm ứng lợi nhuận (**)	-	-	-	364.868.909

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Công ty</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>		<b>Phải thu/(phải trả) tại ngày</b>	
		<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000</b>	<b>30/6/2014 VND'000</b>	<b>30/6/2015 VND'000</b>	<b>1/1/2015 VND'000</b>
<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD”)	Bán hương liệu và phí trộn hương liệu	11.444.822	12.445.907	-	-
	Bán phế liệu	723.233	-	-	-
	Mua hàng hóa	930.977.095	896.869.104	(4.674.384)	(442.518.678)
	Mua phế liệu	38.203	-	-	-
	Tạm ứng lợi nhuận (**)	-	-	48.235.304	270.786.234
	Chi phí phải thu	7.765.700	-	7.765.700	-
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Bán hàng hóa	6.426	4.221	-	-
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Bán hàng hóa	14.881.557	1.987.937	6.007.105	102.933
	Bán phế liệu	374.900	-	-	-
	Mua hàng hóa	1.054.382	63.726	-	-
	Mua phế liệu	9.243.322	-	-	-
	Chi phí phải thu	55.315.271	42.143.688	55.315.271	54.655.987
	Thu nhập cổ tức	-	16.969.093	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	76.106	-	83.717	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Mua hàng hóa	2.930.074	20.238	-	(7.831)
	Mua phế liệu	10.818	-	-	-
	Bán hàng hóa	12.307.099	6.304.943	26.296.132	-
	Bán phế liệu	11.687.350	-	-	-
	Khoản cho vay đã cấp	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay	2.233.330	1.115.744	5.521.297	3.287.967
	Chi phí phải thu	9.860.948	4.595.014	9.860.948	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

<b>Công ty</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>		<b>Phải thu/(phải trả) tại ngày</b>	
			<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND'000</b>	<b>30/6/2014 VND'000</b>	<b>30/6/2015 VND'000</b>	<b>1/1/2015 VND'000</b>
<b>Các công ty liên quan khác</b>						
Công ty TNHH Masan Master Brewery (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Lamka”)		Phí chuyển nhượng thương hiệu Bán hàng hóa Mua hàng hóa	- 1.100 117.436	- - -	- - -	1.100.000 - (475.200)
Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery PY (trước đây là “Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Phú Yên”)		Bán hương liệu và phí trộn hương liệu	15.938	-	110.000	976.855
Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery Distribution		Mua hàng hóa	14.580	-	(16.038)	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>		Thủ lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (*)	15.449.909	7.321.169	-	-

(\*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được nhận bất cứ khoản phí hội hợp nào cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2014.

(\*\*) Vào ngày 10 tháng 4 năm 2015, Chủ tịch của Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiên và Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD”), các công ty con của Công ty, đã quyết định tạm ứng lợi nhuận cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San”) (“MSF”) số tiền là 442.257 triệu VND. Cùng ngày, Chủ tịch của MSF quyết định chia toàn bộ lợi nhuận nhận được từ các công ty con cho Công ty và hướng dẫn các công ty con trả lợi nhuận trực tiếp cho Công ty thay vì cho MSF (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: Không).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 39. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

#### (i) Phát hành cổ phiếu mới

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2015, Công ty đã phát hành 3.833.795 cổ phiếu phổ thông cho các nhân viên theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (“ESOP”). Do đó số lượng cổ phiếu phổ thông và vốn cổ phần của Công ty tăng lần lượt là 535.160.117 cổ phần và 5.351.601 triệu VND.

#### (ii) Trả nợ trước hạn cho khoản vay ngân hàng dài hạn

Vào ngày 14 tháng 8 năm 2015, toàn bộ số dư khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền là 175 triệu USD (tương đương 3.823.750 triệu VND) cùng với chi phí lãi vay lũy kế và các chi phí liên quan khác đã được trả trước hạn bởi một công ty con của Công ty, dẫn tới việc Tập đoàn hầu như không còn khoản nợ vay bằng ngoại tệ và do đó không chịu các rủi ro tỷ giá hối đoái liên quan.

### 40. Hoạt động kinh doanh theo thời vụ

Tổng doanh thu bán hàng của Tập đoàn thường tăng vào các tháng của quý 4 hàng năm do các nhà phân phối dự kiến sẽ có một sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong những tháng giáp Tết (Tết âm lịch), đợt nghỉ Tết này diễn ra vào quý đầu tiên hàng năm. Theo đó, Tập đoàn thường tăng sản lượng sản xuất các ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống không cồn và các hoạt động quảng cáo và khuyến mãi trong quý 4 hàng năm nhằm gia tăng doanh số bán hàng trong thời gian cận Tết.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tập đoàn và Công ty áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ/năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>1/1/2015 (phân loại lại) VND'000</b>	<b>1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND'000</b>	<b>1/1/2015 (phân loại lại) VND'000</b>	<b>1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND'000</b>
Phải thu ngắn hạn khác	69.861.243	63.494.465	2.100.739.911	2.097.257.340
Tài sản thiếu chờ xử lý	591.869	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	6.958.647	-	3.482.571
Phải thu về cho vay dài hạn	9.619.772.870	-	9.669.772.870	-
Phải thu dài hạn khác	35.467.666	9.643.460.930	37.816.345	9.696.730.897
Tài sản dài hạn khác	-	11.779.606	-	10.858.318
Quỹ đầu tư phát triển	22.731.973	18.324.741	22.731.973	18.324.741
Quỹ dự phòng tài chính	-	4.407.232	-	4.407.232



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San”) và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014 (phân loại lại) VND'000	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014 (theo báo cáo trước đây) VND'000	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014 (phân loại lại) VND'000	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014 (theo báo cáo trước đây) VND'000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.810.117.625	5.797.844.114	-	-
Giá vốn hàng bán	3.272.664.971	3.203.762.656	-	-
Chi phí bán hàng	1.262.411.421	1.329.072.515	-	-
Thu nhập khác	3.034.189	23.152.586	-	-
Chi phí khác	2.852.126	12.938.233	-	-

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Người lập:

  
 Huỳnh Việt Thăng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Phạm Đình Toại  
 Giám đốc Tài chính

  
  
 Seokhee Won  
 Tổng Giám đốc